



CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - P. Phú Thọ - Tp. TDM - Tỉnh Bình Dương

ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522

Website: www.biwase.com.vn Email: ptnctnmthb@biwase.com



VILAS 817

BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: **NC 05/14.11.2024**

Ngày phát hành kết quả: 19/11/2024

- Tên khách hàng: **Chi nhánh Cấp nước Bàu Bàng**
- Tên mẫu: Nước đã xử lý - Bể chứa Bàu Bàng
- Địa chỉ: Ấp 5, xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, T. Bình Dương.
- Ngày lấy mẫu: 14/11/2024 Ngày phân tích: 14/11/2024
- Tình trạng mẫu: Mẫu nước chứa trong bình 2 lít, nước trong, không màu, không mùi vị lạ.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	Coliform tổng	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 3	0
2	E. coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
3	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-CI:2023	0,2 – 1,0	0,5
4	Độ đục*	NTU	SMEWW 2130-B:2023	≤ 2	0,65
5	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	3
6	Mùi vị	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	Độ pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,12
8	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺)* (tính theo N)	mg/L	HACH Method 8038	≤ 0,3	0,07
9	Chỉ số Pecmanganat*	mgO ₂ /L	TCVN 6186:1996	≤ 2	0,32
10	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 250	10
11	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	HACH Method 8506+8026	≤ 1	0,03
12	Độ cứng tổng cộng	mg/L CaCO ₃	SMEWW 2340-C:2023	≤ 300	36
13	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	HACH Method 8009	≤ 2	0,02
14	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	≤ 0,1	KPH (LOD = 0,02)

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm
15	Hàm lượng Nhôm (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	≤ 0,2	0,07
16	Hàm lượng Nitrate (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 2	0,43
17	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻)* (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178-1996	≤ 0,05	KPH (LOD = 0,01)
18	Hàm lượng Sắt tổng (Fe _{tc})*	mg/L	HACH Method 8008	≤ 0,3	0,02
19	Hàm lượng Sunphate (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-E:2023	≤ 250	2,98
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	Đầu dò cảm biến	≤ 1000	58

* **Nhận xét:** Mẫu nước có các thông số phân tích phù hợp QCVN 01-1:2018/BYT.

* **Ghi chú:**

+ QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

+ KPH: Không phát hiện.

+ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.

+ Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.

+ (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng



Trần Thanh Trúc



Giám Đốc

Mai Thị Đẹp